

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thực tập điện cơ bản (228056) - Nhóm 04**

CBGD: **Trần Trung Thuận (280035)**

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Trần Trung Thuận</i>	<i>Ng. Đình</i>	<i>Ng. Đình</i>	<i>Trần Trung Thuận</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122150028	LÊ TẤN BĂNG	29/09/2004	CCQ2215A			<i>Băng</i>	7,0	6,0	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122150078	LƯƠNG VĂN BÌNH	24/10/2004	CCQ2215B			<i>Bình</i>	5,5	5,0	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122150002	TRƯƠNG THANH BÌNH	07/10/2003	CCQ2215A			<i>Bình</i>	7,0	6,0	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122150001	PHỤNG TẤN GIA CỐP	09/07/2004	CCQ2215A			<i>Phụng Tấn Gia</i>	6,5	6,0	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122150082	NGUYỄN CÔNG ĐANH	09/11/2004	CCQ2215B							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122150027	LỮ PHAN THÀNH ĐẠT	12/02/2004	CCQ2215A			<i>Đạt</i>	8,0	8,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122150026	HOÀNG NGUYỄN NHẬT ĐĂNG	09/08/2004	CCQ2215A			<i>Nhật Đăng</i>	5,5	5,0	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122150033	NGUYỄN QUỐC ĐOÀN	10/10/2004	CCQ2215A							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122150034	NGUYỄN XUÂN GIÁP	16/12/2004	CCQ2215A			<i>Giáp</i>	7,0	7,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122150024	HUỖNH THANH HÀO	02/03/2004	CCQ2215A			<i>Hào</i>	6,5	7,0	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122150023	NGUYỄN QUỐC HOÀI	08/01/2004	CCQ2215A			<i>Hoài</i>	6,0	5,0	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122150036	NGUYỄN KHẮC NAM HOÀNG	21/03/2004	CCQ2215A			<i>Hoàng</i>	5,0	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122150021	HOÀNG VĂN HUẤN	06/06/2004	CCQ2215A			<i>Huấn</i>	8,5	8,0	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122150018	ĐÌNH VĂN HUY	27/02/2004	CCQ2215A			<i>Huy</i>	6,0	5,0	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122150043	GIÁ TẤN HUYỀN	17/06/2004	CCQ2215A			<i>Huyền</i>	8,0	8,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122150098	TRẦN HOÀNG HƯNG	10/09/2003	CCQ2215B							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122150020	TRẦN MINH KHÔI	30/07/2001	CCQ2215A			<i>Khôi</i>	5,0	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122150015	NGUYỄN HUỖNH MINH LÝ	12/04/2004	CCQ2215A			<i>Lý</i>	7,0	8,0	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122150004	PHAN VĂN LÝ	26/06/2004	CCQ2215A			<i>Lý</i>	7,0	6,0	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122150094	VŨ VĂN MINH	20/08/2004	CCQ2215A			<i>Minh</i>	5,0	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

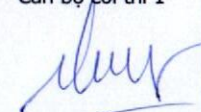
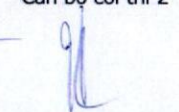
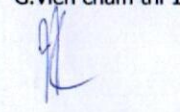
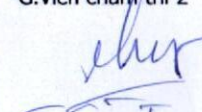
Môn học: **Thực tập điện cơ bản (228056) - Nhóm 04**

CBGD: **Trần Trung Thuận (280035)**

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Trần Trung Thuận	 Nguyễn Đình	 Nguyễn Đình	 Trần Trung Thuận

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122150093	NGUYỄN VĂN MƯỚP	27/08/2004	CCQ2215B				8,0	8,0	8,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2122150091	TRẦN DANH	29/11/2004	CCQ2215B				5,5	5,0	5,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2122150086	NGUYỄN VŨ HOÀI	11/06/2004	CCQ2215A				5,0	5,0	5,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2122150016	NGUYỄN XUÂN	28/06/2004	CCQ2215A				6,5	6,0	6,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thực tập điện cơ bản (228056) - Nhóm 05**

CBGD: **Trần Trung Thuận (280035)**

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Trần Trung Thuận</i>	<i>Nguyễn Khắc</i>	<i>Nguyễn Khắc</i>	<i>Trần Trung Thuận</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122150040	HUỲNH DUY BÌNH	08/10/2004	CCQ2215A			<i>Bình</i>	6,15	7,0	6,18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122150090	NGUYỄN VĂN CHUÔNG	17/04/2004	CCQ2215B			<i>Chuông</i>	7,0	7,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122150080	NGUYỄN DUY CƯỜNG	21/04/2004	CCQ2215B			<i>Cường</i>	7,5	7,0	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122060017	VÕ HOÀNG DUY	01/10/2004	CCQ2215A			<i>Duy</i>	8,0	8,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122150053	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	27/04/2004	CCQ2215B			<i>Đạt</i>	6,0	5,0	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122150046	NGUYỄN VĂN ĐÌNH	10/11/2004	CCQ2215B			<i>Đình</i>	6,0	5,0	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122150061	PHẠM VĂN HÙNG	25/08/2004	CCQ2215B			<i>Hùng</i>	8,0	8,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122150045	NGUYỄN TẤN HUY	24/01/2004	CCQ2215B			<i>Huy</i>	8,5	8,0	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122150075	TRẦN ĐÌNH HUY	30/03/2004	CCQ2215B							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122030206	PHẠM TUẤN KHANH	31/12/2004	CCQ2215A			<i>Khánh</i>	5,5	5,0	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122150063	TRƯƠNG GIA KIẾN	22/01/2004	CCQ2215B			<i>Kiến</i>	2,5	5,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122150099	PHAN VĂN KIẾT	23/05/2004	CCQ2215B			<i>Kiệt</i>	7,0	7,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122150066	NGUYỄN THÀNH LONG	24/08/2004	CCQ2215B							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122150101	NGUYỄN MINH LÝ	28/12/2003	CCQ2215A			<i>Lý</i>	8,5	8,0	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122150089	TRƯƠNG CÔNG LÝ	28/09/2004	CCQ2215B			<i>Lý</i>	6,5	7,0	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122150072	TRẦN TRUNG NGUYỄN	20/07/2004	CCQ2215B			<i>Nguyễn</i>	7,0	7,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122170583	HUỲNH THÁI NHÃ	30/06/2004	CCQ2215A			<i>Nhã</i>	7,5	7,0	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122150095	ĐOÀN GIA THIÊN PHÚC	20/08/2004	CCQ2215A							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122150058	ĐÌNH HỮU NGÔ QUYỀN	28/09/2004	CCQ2215B			<i>Quyền</i>	8,0	8,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122150059	NGUYỄN TẤN THÀNH	16/05/2004	CCQ2215B			<i>Thành</i>	5,0	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thực tập điện cơ bản (228056) - Nhóm 05**

CBGD: **Trần Trung Thuận (280035)**

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Trần Trung Thuận</i>	<i>Ngô Đình</i>	<i>Ngô Đình</i>	<i>Trần Trung Thuận</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122150064	PHAN CHÍ THIÊN	21/11/2004	CCQ2215B			<i>Thiên</i>	6,5	7,0	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122150073	VŨ TRỌNG THUẬN	28/08/2004	CCQ2215B			<i>Thuận</i>	8,0	8,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122150056	PHAN VĂN VI	06/11/2004	CCQ2215B			<i>Vi</i>	7,0	6,0	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122150096	TÔ TUẤN VIỆT	14/10/2004	CCQ2215A			<i>Việt</i>	7,5	7,0	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122150076	PHAN VĂN NGỌC VINH	08/08/2004	CCQ2215B							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thực tập điện cơ bản (228056) - Nhóm 06**

CBGD: **Trần Trung Thuận (280035)**

Số SV có mặt: 23
Số bài thi: 23
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Trần Trung Thuận</i>	<i>Nguyễn Khắc</i>	<i>Nguyễn Khắc</i>	<i>Trần Trung Thuận</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122150081	HUỖNH QUỐC BẢO	21/02/2004	CCQ2215B			<i>Bảo</i>	6,0	5,0	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122150013	NGUYỄN QUỐC BẢO	29/05/2004	CCQ2215A			<i>Bảo</i>	8,0	8,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122150068	NGÔ THANH ĐIỀU	14/08/2004	CCQ2215B			<i>Điều</i>	6,0	6,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122150069	HỨA HẢI DƯƠNG	27/10/2004	CCQ2215B							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122150052	TRẦN MINH DƯƠNG	20/04/2004	CCQ2215B			<i>Dương</i>	6,5	7,0	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122150049	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	25/04/2004	CCQ2215B			<i>Đạt</i>	7,5	7,0	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122150077	NGUYỄN DUY ĐÔNG	15/07/2004	CCQ2215B			<i>Đông</i>	7,0	7,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122150057	HUỖNH HUY HÙNG	17/08/2004	CCQ2215B			<i>Hùng</i>	7,5	7,0	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122150032	VI TUẤN HÙNG	21/03/2004	CCQ2215A			<i>Hùng</i>	6,0	7,0	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122150054	ĐẶNG QUANG HUY	08/04/2003	CCQ2215B			<i>Huy</i>	8,0	8,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122150060	NGUYỄN QUANG HUY	07/10/2004	CCQ2215B			<i>Huy</i>	7,5	7,0	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122150074	TRẦN QUANG HUY	27/08/2004	CCQ2215B			<i>Huy</i>	6,5	7,0	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122150044	LA NGỌC LÊ	29/08/2004	CCQ2215B			<i>Ngô</i>	5,0	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122150083	LÊ ĐỨC LỘC	23/11/2004	CCQ2215B			<i>Lộc</i>	5,5	5,0	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122150067	NGUYỄN ĐỨC LỘC	23/10/2004	CCQ2215B			<i>Lộc</i>	6,0	5,0	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122150011	LÊ QUỐC MẠNH	16/01/2004	CCQ2215A			<i>Mạnh</i>	5,0	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122150070	HOÀNG THẾ QUANG	22/08/2004	CCQ2215B							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122150037	ĐỖ THẾ QUÂN	01/01/2004	CCQ2215A			<i>Quân</i>	6,5	6,0	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122150088	LÊ TIẾN QUÂN	17/11/2004	CCQ2215A			<i>Quân</i>	7,0	7,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122150048	NGUYỄN ANH THỊNH	10/12/2004	CCQ2215B			<i>Thịnh</i>	5,0	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

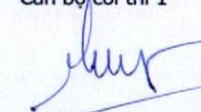
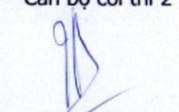
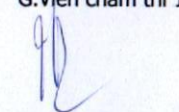
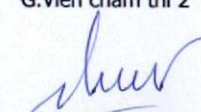
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thực tập điện cơ bản (228056) - Nhóm 06**

CBGD: **Trần Trung Thuận (280035)**

Số SV có mặt: 23
Số bài thi: 23
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			
Trần Trung Thuận	Nguyễn Đình Kha	Nguyễn Đình Kha	Trần Trung Thuận

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122150085	VÕ ĐỨC THỊNH	16/11/2004	CCQ2215B				8,5	8,0	8,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
22	2122150055	HUỖNH THUẬN	18/09/2004	CCQ2215B				7,5	8,0	7,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
23	2122150062	BÙI NGUYỄN THIÊN TOÀN	02/09/2004	CCQ2215B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2122150084	NGUYỄN TRỌNG TRI	21/09/2004	CCQ2215B				8,0	8,0	8,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2122150042	ĐẶNG CÔNG TRINH	26/04/2004	CCQ2215A				6,5	7,0	6,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
26	2122150051	HỒ ĐỨC TRỌNG	02/07/2004	CCQ2215B				7,5	8,0	7,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thực tập điện cơ bản (228056) - Nhóm 08**

CBGD: **Trần Trung Thuận (280035)**

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 <i>Chur</i> <i>Trần Trung Thuận</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Ng. Đình Ch.</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Ng. Đình Ch.</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Chur</i> <i>Trần Trung Thuận</i>
--	---	--	---

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122150047	HUỖNH VĂN BẢO	10/08/2004	CCQ2215B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122150065	NGUYỄN NGỌC HẢI	28/12/2004	CCQ2215B			Hải	8,0	8,0	8,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2122150022	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	01/03/2004	CCQ2215A			Manh	7,0	6,0	6,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122150079	NGUYỄN TRẦN HOÀI NAM	22/02/2004	CCQ2215B			Nam	6,5	6,0	6,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122150008	LÊ VĂN PHỤNG	25/11/2003	CCQ2215A			Phu	5,0	5,0	5,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122150039	NGUYỄN ĐỨC QUÂN	18/05/2004	CCQ2215A			Qu	6,0	6,0	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122150087	NGUYỄN HIẾU QUÂN	08/10/2003	CCQ2215A			Qu	7,0	6,0	6,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2122150017	TRẦN KHÁNH QUỐC	27/10/2004	CCQ2215A			Quoc	8,0	8,0	8,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2122150005	TRẦN VĂN QUÝ	15/03/2004	CCQ2215A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122150029	CAO HUỖNH THÁI SƠN	20/07/2004	CCQ2215A			Son	8,5	8,0	8,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2122150038	NGUYỄN TRÍ TÀI	07/02/2004	CCQ2215A			Tai	8,0	8,0	8,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2122150007	NGUYỄN MINH TÂM	27/10/2004	CCQ2215A			Tam	7,5	8,0	7,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2122150035	HUỖNH VĂN THỊNH	28/09/2003	CCQ2215A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2122150025	PHAN NGỌC THÔNG	21/03/2004	CCQ2215A			Th	6,0	6,0	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2122150071	TÔ MINH TIẾN	30/05/2003	CCQ2215B			Tien	6,5	6,0	6,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122150006	NGUYỄN THÀNH TÍNH	20/04/2004	CCQ2215A			Th	8,0	8,0	8,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2122150019	NGUYỄN MINH TRÍ	01/11/2003	CCQ2215A			Tri	7,0	6,0	6,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122150009	PHẠM NGUYỄN HOÀI TRÍ	22/01/2004	CCQ2215A			Tri	5,0	5,0	5,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122150092	CHÂU THANH TRỌNG	22/08/2004	CCQ2215B			Trong	8,5	8,0	8,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2122150030	HỒ QUANG TRUNG	28/10/2004	CCQ2215A			Trung	8,0	8,0	8,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thực tập điện cơ bản (228056) - Nhóm 08**

CBGD: **Trần Trung Thuận (280035)**

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Chur</i> <i>Trần Trung Thuận</i>	<i>Ng DK</i>	<i>Ng DK</i>	<i>Chur</i> <i>Trần Trung Thuận</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122150097	NGUYỄN BÙI NHẬT TRUNG	04/10/2004	CCQ2215B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2122150014	NGUYỄN VĂN TRUYỀN	25/10/2004	CCQ2215A			<i>Truyền</i>	<i>7,5</i>	<i>8,0</i>	<i>7,8</i>	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
23	2122150031	NGUYỄN MINH TRỰC	17/02/2004	CCQ2215A			<i>Trúc</i>	<i>8,0</i>	<i>8,0</i>	<i>8,0</i>	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2122150012	NGUYỄN VĂN VÀNG	27/11/2004	CCQ2215A			<i>Vàng</i>	<i>7,0</i>	<i>6,0</i>	<i>6,4</i>	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2122150010	TRẦN NHƯ TUẤN	19/10/2003	CCQ2215A			<i>Vũ</i>	<i>7,5</i>	<i>7,0</i>	<i>7,2</i>	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9